

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2018

**DANH SÁCH HỌC SINH TRUNG CẤP NGHỀ KHÓA 15 TCN
KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI TỐT NGHIỆP VĂN HÓA**

STT	MSHS	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Lý do
1	15000452	Nguyễn Hoàng Hải Anh	Nam	21/11/1999	15TCN-CKL	Nợ: Hóa học 1, Toán 1, Toán 2, Hóa học 4, Toán 4
2	15003407	Kiều Công Danh	Nam	24/03/1998	15TCN-CKL	Học phí Học kỳ 2/2016-2017, Học phí Học kỳ 1/2017-2018, Công nợ học lại, Bảo hiểm y tế (01/01/2018-31/12/2018), Bảo hiểm tai nạn, Khám sức khỏe, Thư viện, ...
3	15001308	Mai Thành Đạt	Nam	24/7/2000	15TCN-CKL	Hóa học 1, Toán 1, Hóa học 2, Vật Lý 2, Toán 2, Ngữ Văn 2, Hóa học 3, Vật Lý 3, Toán 3, Hóa học 4, Toán 4
4	15003494	Nguyễn Xuân Hiếu	Nam	17/11/2000	15TCN-CKL	Nợ: Toán 2, Hóa học 4
5	15000163	Huỳnh Văn Kháng	Nam	14/09/2000	15TCN-CKL	Nợ: Hóa học 3, Hóa học 4
6	15000247	Trần Tuấn Khanh	Nam	7/7/2000	15TCN-CKL	Nợ: Toán 1, Ngữ Văn 2, Hóa học 3, Vật Lý 3, Toán 3, Hóa học 4, Toán 4
7	15000380	Bùi Hoàng Long	Nam	8/4/2000	15TCN-CKL	Hóa học 1, Toán 1, Hóa học 2, Vật Lý 2, Toán 2, Hóa học 3, Vật Lý 3, Toán 3, Ngữ Văn 3, Hóa học 4, Toán 4
8	15000379	Bùi Huy Long	Nam	8/4/2000	15TCN-CKL	Hóa học 1, Toán 1, Hóa học 2, Vật Lý 2, Toán 2, Ngữ Văn 2, Hóa học 3, Vật Lý 3, Toán 3, Ngữ Văn 3, Hóa học 4, Toán 4
9	15003478	Võ Duy Luân	Nam	1/10/2000	15TCN-CKL	Học phí Học kỳ 1/2017-2018, Công nợ học lại, Bảo hiểm y tế (01/01/2018-31/12/2018), Bảo hiểm tai nạn, Khám sức khỏe, Thư viện, Giấy thi, giấy nhập, ...
10	15000832	Phạm Trương Thiên Phước	Nam	12/7/2000	15TCN-CKL	Nợ: Hóa học 1, Toán 1, Toán 2
11	15000514	Trần Võ Đông Phương	Nam	9/12/2000	15TCN-CKL	Nợ: Toán 1
12	15000040	Võ Hồng Sơn	Nam	4/2/2000	15TCN-CKL	Nợ: Hóa học 1, Ngữ Văn 1, Toán 1, Toán 2, Hóa học 3, Toán 3, Vật Lý 4, Hóa học 4, Toán 4

STT	MSHS	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Lý do
13	15000771	Lê Văn Trang	Nam	6/6/2000	15TCN-CKL	Nợ: Hóa học 3, Toán 3, Hóa học 4, Toán 4
14	15000085	Võ Thành Trí	Nam	23/06/2000	15TCN-CKL	Nợ: Toán 1, Hóa học 3, Vật Lý 3, Toán 3, Ngữ Văn 3, Hóa học 4, Toán 4
15	15000023	Đặng Nguyễn Phương An	Nam	4/6/2000	15TCN-Đ	Nợ: Ngữ Văn 1, Hóa học 2, Toán 2, Toán 3, Hóa học 3, Hóa học 4
16	15000211	Nguyễn Thành An	Nam	31/08/2000	15TCN-Đ	Nợ: Ngữ Văn 1, Vật Lý 1, Toán 2
17	15000061	Vũ Quý Bảo	Nam	16/12/1999	15TCN-Đ	Học phí Học kỳ 2/2016-2017, Học phí Học kỳ 1/2017-2018, Công nợ học lại, Bảo hiểm y tế (01/01/2018-31/12/2018), Bảo hiểm tai nạn, Khám sức khỏe, Thư viện, ...
18	15000167	Nguyễn Công Danh	Nam	13/2/2000	15TCN-Đ	Nợ: Ngữ Văn 1, Toán 2
19	15000111	Lê Trần Đức	Nam	21/09/2000	15TCN-Đ	Nợ: Ngữ Văn 1, Toán 2
20	15000027	Bùi Hoàng Duy	Nam	28/02/2000	15TCN-Đ	Nợ: Ngữ Văn 1, Vật Lý 1, Vật Lý 2, Toán 3
21	15000260	Nguyễn Khoa Nhật Huy	Nam	4/1/2000	15TCN-Đ	Nợ: Ngữ Văn 1, Toán 1, Vật Lý 1, Vật Lý 2, Toán 2, Ngữ Văn 3, Vật Lý 3, Toán 3, Hóa học 3, Vật Lý 4, Hóa học 4, Toán 4, Ngữ Văn 4
22	15000403	Võ Hoàng Long	Nam	20/03/2000	15TCN-Đ	Nợ: Ngữ Văn 1, Toán 2, Toán 3, Hóa học 4, Ngữ Văn 4
23	15002614	Đào Công Minh	Nam	20/05/1999	15TCN-Đ	Nợ: Ngữ Văn 1, Toán 2, Toán 3
24	15001750	Đỗ Phương Nam	Nam	30/10/1999	15TCN-Đ	Nợ: Ngữ Văn 1, Toán 2, Toán 3
25	15000005	Trần Vĩ Hiếu Nghĩa	Nam	31/10/2000	15TCN-Đ	Nợ: Ngữ Văn 1, Toán 2, Toán 4, Hóa học 4
26	15003179	Lê Thanh Phú	Nam	11/10/1999	15TCN-Đ	Nợ: Ngữ Văn 1, Vật Lý 2, Toán 2, Ngữ Văn 3, Hóa học 3, Toán 3, Vật Lý 4, Hóa học 4, Toán 4, Ngữ Văn 4
27	15000059	Nguyễn Quốc Văn Sơn	Nam	17/03/2000	15TCN-Đ	Nợ: Ngữ Văn 1, Toán 2,
28	15001344	Trần Văn Thành	Nam	9/8/2000	15TCN-Đ	Nợ: Ngữ Văn 1, Toán 2, Toán 3, Hóa học 4
29	15000138	Nguyễn Hữu Toàn	Nam	30/10/2000	15TCN-Đ	Nợ: Ngữ Văn 1, Toán 1, Hóa học 2, Toán 2, Hóa học 3, Toán 3, Vật Lý 4, Toán 4, Hóa học 4, Ngữ Văn 4
30	15000340	Nguyễn Thanh Toàn	Nam	2/8/2000	15TCN-Đ	Nợ: Ngữ Văn 1, Toán 1, Vật Lý 1, Toán 2, Hóa học 3, Toán 3
31	15002982	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	16/10/1998	15TCN-Đ	Nợ: Ngữ Văn 1, Hóa học 2, Toán 2, Toán 3, Vật Lý 4, Hóa học 4
32	15000212	Nguyễn Hoàng Duy	Nam	13/08/2000	15TCN-ĐT	Nợ: Hóa học 1, Toán 3, Hóa học 3
33	15000038	Nguyễn Phi Hiếu	Nam	20/02/1998	15TCN-ĐT	Nợ: Hóa học 1, Ngữ Văn 2, Hóa học 2, Ngữ Văn 3, Hóa học 4

STT	MSHS	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Lý do
34	15000108	Trương Minh Hiếu	Nam	20/12/2000	15TCN-ĐT	Nợ: Toán 3, Hóa học 3, Toán 2
35	15000090	Nguyễn Hải Hưng	Nam	21/09/2000	15TCN-ĐT	Nợ: Hóa học 2
36	15000032	Lê Đỗ Quang Huy	Nam	30/08/2000	15TCN-ĐT	Nợ: Toán 3
37	15000220	Lê Tuấn Kiệt	Nam	1/9/2000	15TCN-ĐT	Nợ: Hóa học 2, Hóa học 3, Toán 4, Hóa học 4
38	15003032	Nguyễn Bá Lập	Nam	1/2/1998	15TCN-ĐT	Nợ: Hóa học 2, Toán 2, Toán 3, Hóa học 3, Toán 4
39	15000628	Nguyễn Hồng Minh	Nam	14/06/2000	15TCN-ĐT	Nợ: Toán 2, Vật Lý 2, Hóa học 1
40	15002538	Vũ Vòng Nhật Minh	Nam	22/10/2000	15TCN-ĐT	Nợ: Toán 1, Hóa học 2, Toán 3, Toán 4
41	15000345	Bùi Hữu Thành	Nam	5/12/1998	15TCN-ĐT	Nợ: Hóa học 2, Ngữ Văn 3, Hóa học 3, Toán 3
42	15000221	Lê Minh Trí	Nam	1/9/2000	15TCN-ĐT	Nợ: Hóa học 2, Vật Lý 2, Toán 2, Hóa học 3, Toán 3, Toán 4, Hóa học 4, Ngữ Văn 4
43	15000938	Lê Anh Tuấn	Nam	16/12/2000	15TCN-ĐT	Nợ: Toán 1, Hóa học 3, Toán 3, Toán 4, Hóa học 4, Ngữ Văn 4
44	15000305	Nguyễn Huỳnh Anh Tuấn	Nam	27/08/2000	15TCN-ĐT	Nợ: Toán 4, Hóa học 4
45	15000081	Dương Hiền Vinh	Nam	21/09/2000	15TCN-ĐT	Nợ: Hóa học 2
46	15000308	Đào Thụy Duyên Anh	Nữ	11/7/2000	15TCN-KTD	Nợ: Hóa học 1, Ngữ Văn 3
47	15001187	Châu Mom Thy Đa	Nữ	9/2/2000	15TCN-KTD	Nợ: Công nghệ học lại, Hóa học 3, Vật Lý 3, Toán 4, Hóa học 4
48	15000316	Huỳnh Đức Hùng	Nam	19/12/2000	15TCN-KTD	Nợ: Toán 1, Ngữ Văn 2, Hóa học 2, Vật Lý 2, Toán 2, Hóa học 3, Hóa học 4
49	15000096	Nguyễn Ngọc Khánh	Nữ	22/5/2000	15TCN-KTD	Nợ: Toán 4
50	15001201	Vũ Quỳnh Như	Nữ	29/8/1999	15TCN-KTD	Nợ: Hóa học 3
51	15000246	Nguyễn Xuân Phương	Nữ	17/08/2000	15TCN-KTD	Nợ: Hóa học 3, Toán 4
52	15000197	Nguyễn Ngọc Quyền	Nữ	13/11/1999	15TCN-KTD	Nợ: Toán 4
53	15000203	Nguyễn Thị Thu Sương	Nữ	31/08/2000	15TCN-KTD	Nợ: Toán 3, Hóa học 3, Toán 4
54	15000174	Vương Minh Tuấn	Nam	9/9/1999	15TCN-KTD	Nợ: Hóa học 4
55	15001785	Giang Thanh Ngọc Vy	Nữ	27/12/2000	15TCN-KTD	Nợ: Toán 2, Toán 3, Toán 4

STT	MSHS	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Lý do
56	15000234	Nguyễn Xuân Tuấn Anh	Nam	11/8/2000	15TCN-LĐL	Nợ: Hóa học 2, Hóa học 4
57	15000382	Nguyễn Anh Bảo	Nam	12/4/2000	15TCN-LĐL	Nợ: Vật Lý 1, Hóa học 2, Toán 2, Hóa học 3, Toán 3, Toán 4, Hóa học 4
58	15000033	Trần Quốc Đại	Nam	31/07/1999	15TCN-LĐL	Nợ: Hóa học 2, Hóa học 4
59	15000154	Liêu Hoàng Tấn Đạt	Nam	26/06/2000	15TCN-LĐL	Nợ: Hóa học 3, Toán 3, Toán 4, Hóa học 2, Hóa học 4
60	15001820	Nguyễn Trọng Đức	Nam	1/5/2000	15TCN-LĐL	Nợ: Toán 4, Hóa học 4
61	15000022	Nguyễn Đức Duy	Nam	23/12/2000	15TCN-LĐL	Nợ: Vật Lý 1, Hóa học 1, Hóa học 2, Hóa học 3, Vật Lý 3,
62	15000636	Nguyễn Hoàng Huy	Nam	21/2/2000	15TCN-LĐL	Nợ: Toán 1,
63	15000719	Phan Quốc Huy	Nam	18/10/2000	15TCN-LĐL	Vật Lý 1, Ngữ Văn 1, Toán 1, Hóa học 2, Ngữ Văn 2, Vật Lý 2, Toán 2, Hóa học 3, Vật Lý 3, Toán 3, Ngữ Văn 3, Toán 3, Toán 4, Hóa học 4
64	15002425	Thân Hữu Kiệt	Nam	7/12/2000	15TCN-LĐL	Học phí Học kỳ 2/2016-2017, Học phí Học kỳ 1/2017-2018, Công nợ học lại, Bảo hiểm y tế (01/01/2018-31/12/2018), Bảo hiểm tai nạn, Khám sức khỏe, Thư viện...
65	15000165	Huỳnh Duy Lân	Nam	21/02/2000	15TCN-LĐL	Nợ: Hóa học 2, Hóa học 3, Toán 3, Toán 4, Hóa học 4
66	15000177	Phan Hữu Lộc	Nam	5/9/2000	15TCN-LĐL	Nợ: Vật Lý 1, Hóa học 3, Hóa học 4
67	15000271	Hoàng Minh Long	Nam	1/8/2000	15TCN-LĐL	Nợ: Hóa học 2, Hóa học 3, Hóa học 4
68	15002989	Nguyễn Đình Mạnh	Nam	22/05/2000	15TCN-LĐL	Nợ: Toán 1, Hóa học 2, Toán 2, Hóa học 4
69	15001347	Nguyễn Hoàng Nhựt	Nam	19/09/1998	15TCN-LĐL	Nợ: Toán 1, Hóa học 2, Toán 2, Hóa học 3, Hóa học 4
70	15001857	Nguyễn Quốc Phi	Nam	18/02/2000	15TCN-LĐL	Nợ: Hóa học 3, Hóa học 2, Hóa học 4
71	15000215	Vũ Đỗ Hoàng Phúc	Nam	28/09/2000	15TCN-LĐL	Vật Lý 1, Toán 1, Hóa học 2, Ngữ Văn 2, Vật Lý 2, Toán 2, Hóa học 3, Vật Lý 3, Toán 3, Ngữ Văn 3, Toán 3, Toán 4, Hóa học 4
72	15000008	Nguyễn Hoàng Phước	Nam	29/08/2000	15TCN-LĐL	Nợ: Toán 1, Vật Lý 2, Toán 2, Hóa học 3, Vật Lý 3, Toán 3, Toán 4, Hóa học 4
73	15000821	Đinh Nhật Quang	Nam	2/5/2000	15TCN-LĐL	Nợ: Ngữ Văn 1, Toán 1, Hóa học 2, Hóa học 3, Toán 3, Hóa học 4
74	15000049	Luân Trí Thiện	Nam	6/7/2000	15TCN-LĐL	Nợ: Toán 1
75	15001606	Trần Bách Tùng	Nam	5/6/2000	15TCN-LĐL	Nợ: Ngữ Văn 1
76	15000106	Hà Ngọc Việt	Nam	12/12/2000	15TCN-LĐL	Nợ: Toán 3

STT	MSHS	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Lý do
77	15001131	Nguyễn Tấn Vinh	Nam	16/05/2000	15TCN-LĐL	Nợ: Hóa học 2, Toán 2, Hóa học 3, Toán 3, Toán 4, Hóa học 4
78	15000243	Lê Anh Võ	Nam	11/9/2000	15TCN-LĐL	Nợ: Toán 2, Hóa học 3, Vật Lý 3, Toán 4, Hóa học 4
79	15002951	Lê Huyền Thuý An	Nữ	10/7/1999	15TCN-MTT	Học phí Học kỳ 1/2017-2018, Công nợ học lại, Bảo hiểm y tế (01/01/2018-31/12/2018), Nợ: Bảo hiểm tai nạn, Khám sức khỏe, Thư viện, Giấy thi, giấy nhập, ...
80	15000294	Trương Hải Huỳnh Anh	Nữ	9/8/2000	15TCN-MTT	Nợ: Toán 4
81	15003378	Trần Thị Thanh Hằng	Nữ	2/8/2000	15TCN-MTT	Học phí Học kỳ 1/2017-2018, Công nợ học lại, Bảo hiểm y tế (01/01/2018-31/12/2018), Nợ: Bảo hiểm tai nạn, Khám sức khỏe, Thư viện, Giấy thi, giấy nhập, ...
82	15000852	Nguyễn Hải Hào	Nam	18/08/2000	15TCN-MTT	Hóa học 2, Vật Lý 2, Toán 2, Toán 3, Hóa học 3, Ngữ Văn 3, Vật Lý 3, Toán 4, Hóa học 4, Ngữ Văn 4, Vật Lý 4, Hóa học 1
83	15000063	Nguyễn Mai Hương	Nữ	10/10/2000	15TCN-MTT	Học phí Học kỳ 1/2017-2018, Công nợ học lại, Bảo hiểm y tế (01/01/2018-31/12/2018), Nợ: Bảo hiểm tai nạn, Khám sức khỏe, Thư viện, Giấy thi, giấy nhập, ...
84	15000257	Bùi Nguyễn Quốc Khánh	Nam	29/02/2000	15TCN-MTT	Nợ: Toán 1, Toán 2, Toán 3, Hóa học 3, Toán 4
85	15000150	Mai Thuý Linh	Nữ	22/07/2000	15TCN-MTT	Nợ: Toán 1, Hóa học 2, Toán 2, Toán 3, Toán 4, Hóa học 4
86	15000950	Nguyễn Thị Hương Nhã	Nữ	1/4/2000	15TCN-MTT	Nợ: Toán 3, Hóa học 3, Toán 2
87	15000725	Phạm Nguyễn Phương Nhi	Nữ	27/08/2000	15TCN-MTT	Nợ: Hóa học 1, Toán 2, Toán 3, Hóa học 3, Toán 4, Hóa học 4, Ngữ Văn 4, Vật Lý 4
88	15002461	Chạc Thanh Phụng	Nữ	8/5/2000	15TCN-MTT	Nợ: Toán 1, Hóa học 3, Toán 4, Hóa học 4
89	15003509	Tsân Hoa Phương	Nữ	25/11/2000	15TCN-MTT	Nợ: Toán 1, Hóa học 2, Toán 2, Hóa học 3, Hóa học 4
90	15002395	Nguyễn Tuấn Sơn	Nam	31/08/2000	15TCN-MTT	Nợ: Vật Lý 2, Toán 2, Toán 3, Hóa học 3, Toán 4, Hóa học 4, Hóa học 2
91	15000295	Trần Thị Thảo Sương	Nữ	5/10/2000	15TCN-MTT	Nợ: Toán 2, Toán 3, Vật Lý 3
92	15002374	Phạm Thạch Thảo	Nữ	5/10/2000	15TCN-MTT	Nợ: Hóa học 2, Toán 2
93	15000870	Nguyễn Ngọc Anh Thư	Nữ	19/08/1993	15TCN-MTT	Nợ: Ngữ Văn 3, Toán 4, Hóa học 4, Ngữ Văn 4, Vật Lý 4
94	15000202	Huỳnh Nguyễn Thủy Tiên	Nữ	5/5/2000	15TCN-MTT	Nợ: Toán 2, Toán 3, Hóa học 3, Toán 4
95	15002258	Phạm Vũ Quế Trăn	Nữ	20/02/2000	15TCN-MTT	Học phí Học kỳ 2/2016-2017, Học phí Học kỳ 1/2017-2018, Công nợ học lại, Bảo hiểm y tế Nợ: (01/01/2018-31/12/2018), Bảo hiểm tai nạn, Khám sức khỏe, Thư viện,...

STT	MSHS	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Lý do
96	15003413	Nguyễn Giao Cát	Tuồng	30/01/2000	15TCN-MTT	Nợ: Toán 2, Toán 3, Hóa học 3, Toán 4, Hóa học 4, Ngữ Văn 4, Vật Lý 4
97	15001678	Hoàng Thiên Ân	Nam	13/01/2000	15TCN-Ô1	Nợ: Vật Lý 1, Toán 2, Hóa học 2, Vật Lý 2, Toán 3, Hóa học 3, Toán 4, Hóa học 4
98	15000392	Võ Tuấn Anh	Nam	25/03/2000	15TCN-Ô1	Học phí Học kỳ 1/2017-2018, Công nợ học lại, Bảo hiểm y tế (01/01/2018-31/12/2018), Bảo hiểm tai nạn, Khám sức khỏe, Thư viện, Giấy thi, giấy nhập, ...
99	15000493	Vương Anh Bảo	Nam	28/07/1999	15TCN-Ô1	Học phí Học kỳ 2/2016-2017, Học phí Học kỳ 1/2017-2018, Công nợ học lại, Bảo hiểm y tế (01/01/2018-31/12/2018), Bảo hiểm tai nạn, Khám sức khỏe, Thư viện, ...
100	15000437	Vũ Viết Bình	Nam	19/12/2000	15TCN-Ô1	Nợ: Toán 2, Hóa học 2, Vật Lý 2, Hóa học 3, Toán 4, Hóa học 4, Ngữ Văn 4
101	15000405	Hồ Thanh Công	Nam	4/7/1998	15TCN-Ô1	Nợ: Toán 1, Toán 2, Hóa học 2, Hóa học 3
102	15000278	Bùi Duy Đại	Nam	8/4/2000	15TCN-Ô1	Nợ: Hóa học 1, Hóa học 2, Toán 2, Ngữ Văn 3
103	15000186	Hoàng Xuân Đức	Nam	15/02/2000	15TCN-Ô1	Nợ: Toán 2
104	15000021	Nguyễn Trần Trung Hiếu	Nam	9/10/1998	15TCN-Ô1	Hóa học 1, Vật Lý 1, Ngữ Văn 1, Toán 1, Hóa học 2, Vật Lý 2, Toán 2, Ngữ Văn 2, Toán 3, Ngữ Văn 3, Hóa học 3, Vật Lý 3, Toán 4, Hóa học 4, Ngữ Văn 4
105	15000353	Trần Dương Khánh Huy	Nam	23/08/2000	15TCN-Ô1	Nợ: Toán 1, Vật Lý 2, Ngữ Văn 3, Hóa học 3, Vật Lý 4, Toán 4, Hóa học 4, Ngữ Văn 4
106	15000030	Trương Đức Huy	Nam	7/5/2000	15TCN-Ô1	Nợ: Công nợ học lại, Toán 2, Hóa học 1, Hóa học 2, Ngữ Văn 2, Toán 4, Hóa học 4
107	15000357	Nguyễn Đức Huỳnh	Nam	6/9/2000	15TCN-Ô1	Nợ: Vật Lý 2, Hóa học 4
108	15000122	Nguyễn Văn Kha	Nam	4/9/2000	15TCN-Ô1	Nợ: Toán 4, Hóa học 4
109	15000133	Đỗ Nguyễn Duy Khang	Nam	6/5/2000	15TCN-Ô1	Nợ: Toán 1
110	15000775	Phạm Quốc Khánh	Nam	1/5/1999	15TCN-Ô1	Học phí Học kỳ 1/2017-2018, Công nợ học lại, Bảo hiểm y tế (01/01/2018-31/12/2018), Bảo hiểm tai nạn, Khám sức khỏe, Thư viện, Giấy thi, giấy nhập, ...
111	15000120	Lưu Quốc Liêm	Nam	22/08/2000	15TCN-Ô1	Nợ: Toán 2, Hóa học 3, Toán 4, Hóa học 4
112	15002194	Nguyễn Phi Long	Nam	13/02/2000	15TCN-Ô1	Nợ: Công nợ học lại, Toán 2
113	15001011	Nguyễn Thành Long	Nam	21/10/1999	15TCN-Ô1	Nợ: Toán 1, Toán 2, Hóa học 2, Toán 3, Ngữ Văn 3, Hóa học 3, Vật Lý 3, Hóa học 4
114	15000404	Hồ Văn Minh	Nam	4/7/1998	15TCN-Ô1	Nợ: Toán 2, Hóa học 2, Hóa học 3, Hóa học 4

STT	MSHS	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Lý do
115	15000156	Nguyễn Quang Nhật	Nam	11/11/1998	15TCN-Ô1	Hóa học 1, Vật Lý 1, Ngữ Văn 1, Toán 1, Hóa học 2, Toán 2, Ngữ Văn 2, Toán 3, Ngữ Văn 3, Hóa học 3, Toán 4, Hóa học 4, Ngữ Văn 4
116	15000219	Nguyễn Vũ Nhật Phi	Nam	28/09/2000	15TCN-Ô1	Nợ: Toán 2
117	15000014	Phạm Thiên Phú	Nam	26/11/2000	15TCN-Ô1	Nợ: Công nghệ học lại, Toán 2, Vật Lý 2, Hóa học 3, Vật Lý 4, Toán 4, Hóa học 4
118	15000065	Phan Hồng Phúc	Nam	3/5/2000	15TCN-Ô1	Nợ: Hóa học 2, Toán 2
119	15003500	Nguyễn Huỳnh Công Quyền	Nam	2/10/2000	15TCN-Ô1	Hóa học 1, Vật Lý 1, Toán 1, Ngữ Văn 1, Vật Lý 2, Toán 3, Hóa học 3, Vật Lý 4, Toán 4, Nợ: Hóa học 4, Ngữ Văn 4
120	15000091	Phạm Lê Quang Nhật Tân	Nam	12/1/2000	15TCN-Ô1	Nợ: Toán 1, Toán 2, Hóa học 3, Vật Lý 4, Toán 4, Hóa học 4
121	15000162	Lâm Vĩnh Thành	Nam	2/8/1999	15TCN-Ô1	Nợ: Hóa học 4
122	15000244	Nguyễn Phúc Thịnh	Nam	3/12/2000	15TCN-Ô1	Nợ: Vật Lý 2, Toán 2, Hóa học 3, Toán 4
123	15000035	Nguyễn Trung Tín	Nam	7/8/2000	15TCN-Ô1	Nợ: Toán 2, Hóa học 3, Vật Lý 4
124	15000201	Huỳnh Đức Tuấn	Nam	12/9/2000	15TCN-Ô1	Nợ: Vật Lý 2, Toán 2, Hóa học 3, Hóa học 4
125	15000102	Phùng Long Ân	Nam	11/9/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Toán 1, Toán 2
126	15000571	Mai Tuấn Anh	Nam	2/6/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Toán 1, Hóa học 2, Hóa học 3, Toán 4
127	15000512	Mai Đỗ Đại	Nam	6/5/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Vật Lý 1, Toán 2, Vật Lý 2, Ngữ Văn 3, Toán 4
128	15001376	Nguyễn Thành Đạt	Nam	14/05/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Hóa học 1, Hóa học 2, Toán 2, Vật Lý 2, Toán 3, Ngữ Văn 3, Hóa học 3, Toán 4
129	15003399	Phạm Võ Quang Duy	Nam	16/05/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Vật Lý 1, Ngữ Văn 1, Hóa học 2, Vật Lý 2, Ngữ Văn 2, Toán 3, Hóa học 3, Toán 4
130	15000446	Nguyễn Trường Giang	Nam	22/01/2000	15TCN-QTM1	Vật Lý 1, Toán 2, Vật Lý 2, Ngữ Văn 2, Toán 3, Ngữ Văn 3, Hóa học 3, Toán 4, Hóa học 4, Ngữ Văn 4
131	15000574	Vũ Trung Hậu	Nam	19/12/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Vật Lý 2, Toán 3, Ngữ Văn 3, Toán 4
132	15000143	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	Nam	19/01/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Ngữ Văn 1, Hóa học 1, Ngữ Văn 3, Hóa học 4
133	15000599	Nguyễn Minh Hiếu	Nam	15/11/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Toán 2, Hóa học 3, Vật Lý 3, Toán 4
134	15000932	Lê Vũ Huy Hoàng	Nam	8/7/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Toán 2, Ngữ Văn 3, Toán 4
135	15000228	Nguyễn Hữu Bảo Hưng	Nam	10/10/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Toán 1, Toán 2, Hóa học 3, Toán 4, Hóa học 4, Ngữ Văn 4, Vật Lý 4

STT	MSHS	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Lý do
136	15000407	Đỗ Đức	Nam	27/09/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Toán 1, Toán 2, Ngữ Văn 3, Hóa học 3, Vật Lý 3, Toán 4
137	15000194	Du Han	Nam	19/12/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Toán 1
138	15000073	Nguyễn Hoàng Nhật Huy	Nam	9/10/2000	15TCN-QTM1	Học phí Học kỳ 2/2016-2017, Học phí Học kỳ 1/2017-2018, Công nợ học lại, Bảo hiểm y tế (01/01/2018-31/12/2018), Bảo hiểm tai nạn, Khám sức khỏe, Thư viện, ...
139	15003040	Lê Ngọc Khanh	Nam	26/09/2000	15TCN-QTM1	Học phí Học kỳ 1/2017-2018, Công nợ học lại, Bảo hiểm y tế (01/01/2018-31/12/2018), Bảo hiểm tai nạn, Khám sức khỏe, Thư viện, Giấy thi, giấy nháp, ...
140	15000159	Phạm Đăng Khoa	Nam	14/11/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Toán 1, Toán 2, Hóa học 3, Toán 4, Ngữ Văn 4, Vật Lý 4
141	15001022	Đỗ Trần Long	Nam	5/7/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Vật Lý 2
142	15000036	Lê Nguyễn Hoàng Long	Nam	9/11/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Vật Lý 1, Toán 1, Hóa học 2, Toán 2, Toán 3, Toán 4
143	15000160	Nguyễn Thái Hoàng Long	Nam	15/9/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Hóa học 1, Hóa học 3
144	15000072	Trần Quang Long	Nam	13/12/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Hóa học 1, Ngữ Văn 3
145	15003028	Trần Văn Mạnh	Nam	14/07/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Hóa học 3
146	15001356	Nguyễn Lê Kiều Mi	Nữ	28/06/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Toán 1, Toán 2, Vật Lý 2, Hóa học 3, Toán 4
147	15001590	Lê Triệu Minh	Nam	24/08/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Hóa học 1, Toán 2, Toán 3, Hóa học 3, Toán 4, Hóa học 4, Ngữ Văn 4
148	15000388	Hà Minh Nhật	Nam	23/12/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Vật Lý 1, Ngữ Văn 1, Toán 1, Vật Lý 2, Ngữ Văn 2, Toán 3, Ngữ Văn 3, Toán 4
149	15000330	Nguyễn Huỳnh Thiên Phát	Nam	26/11/1999	15TCN-QTM1	Nợ: Vật Lý 1, Ngữ Văn 1, Hóa học 2, Vật Lý 2, Ngữ Văn 2, Hóa học 3
150	15000253	Phạm Nhật Phong	Nam	7/4/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Hóa học 3
151	15000411	Nguyễn Minh Phúc	Nam	12/6/2000	15TCN-QTM1	Công nợ học lại, Hóa học 1, Toán 1, Vật Lý 2, Toán 2, Ngữ Văn 2, Ngữ Văn 3, Hóa học 3, Toán 4, Toán 3
152	15000064	Nguyễn Thiên Phúc	Nam	9/7/1999	15TCN-QTM1	Nợ: Ngữ Văn 3, Toán 4, Hóa học 4
153	15000464	Nguyễn Kim Trúc Phương	Nam	28/03/2000	15TCN-QTM1	Toán 1, Hóa học 2, Toán 2, Vật Lý 2, Ngữ Văn 2, Toán 3, Ngữ Văn 3, Hóa học 3, Vật Lý 3, Toán 4, Hóa học 4, Ngữ Văn 4
154	15000011	Phương Bình Quân	Nam	3/12/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Hóa học 4

STT	MSHS	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Lý do
155	15000230	Lê Mạnh Tài	Nam	4/9/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Toán 3, Toán 4, Hóa học 4
156	15001630	Trần Thuận Tân	Nam	16/05/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Vật Lý 2
157	15000083	Võ Tuấn Thành	Nam	10/11/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Toán 1, Toán 2, Toán 3, Hóa học 3, Toán 4
158	15002015	Tống Ngọc Thiện	Nam	24/09/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Vật Lý 2
159	15000037	Nguyễn Xuân Thoái	Nam	17/11/1999	15TCN-QTM1	Nợ: Hóa học 3
160	15000336	Trần Trung Thuận	Nam	13/06/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Vật Lý 1, Hóa học 2, Toán 2, Vật Lý 2, Toán 3, Ngữ Văn 3, Hóa học 3,
161	15000367	Lê Đỗ Huyền Trân	Nữ	31/01/2000	15TCN-QTM1	Học phí Học kỳ 1/2017-2018, Công nợ học lại, Bảo hiểm y tế (01/01/2018-31/12/2018), Nợ: Bảo hiểm tai nạn, Khám sức khỏe, Thư viện, Giấy thi, giấy nháp,...
162	15000369	Lê Ngọc Trân	Nữ	12/9/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Ngữ Văn 4
163	15003431	Trương Quốc Trung	Nam	15/10/1998	15TCN-QTM1	Nợ: Vật Lý 2
164	15001875	Lê Nguyễn Nhật Trường	Nam	22/10/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Toán 4
165	15003408	Mai Như Ý	Nam	29/03/2000	15TCN-QTM1	Nợ: Vật Lý 1, Hóa học 3

Tổng cộng danh sách có 165 Học sinh

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Thuận

KI HIỆU TRƯỞNG
PHO HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ